

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **117/2021/HNGĐ-ST**  
Ngày: 29-4-2021  
V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi  
con chung”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phú

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Công Danh
2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Quang Minh– Thư ký Tòa án nhân dân  
thành phố Biên Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên  
tòa:** Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại Toà án nhân dân thành phố Biên Hòa,  
tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số:  
175/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp  
ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2021/QĐXX-  
ST ngày 07/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 147/2021/QĐST-HNGĐ  
ngày 19/4/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1971.

- Bị đơn: Ông Sơn Ngọc T, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: 59/55/32, khu phố 1, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc H trình  
bày:**

Bà và ông Sơn Ngọc T chung sống vào năm 1988, đến năm 1991 đăng ký  
kết hôn tại Ủy ban nhân phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Quá trình vợ  
chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc. Về sau giữa vợ chồng phát sinh nhiều

mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống. Ông bà đã tìm cách hòa giải nhưng không có kết quả. Bà và ông T đã ly thân đến nay được 4 năm. Ông bà mặc dù chung địa chỉ thường trú nhưng thực tế không ăn chung, không ngủ chung, không sinh hoạt sinh lý, đi đâu làm gì không ai quan tâm ai, mạnh ai nấy sống, một mình bà lo cho con cái và gia đình, ông T không phụ giúp kinh tế cho bà.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà xin ly hôn với ông T để trả tự do cho nhau.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Sơn Lê Thông T, sinh năm 1989, Sơn Lê Minh Tr, sinh năm 1994 và Sơn Lê Triều G, sinh năm 2007. Ly hôn cháu T, cháu Tr đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu G hiện đang ở với bà. Ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Sơn Lê Triều G, tạm thời không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên bà H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

*Bị đơn ông Sơn Ngọc T đã được Tòa án xác minh địa chỉ cư trú tại Công an phường Q, thành phố B ngày 09/3/2021, theo nội dung văn bản xác minh thì ông T có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại địa chỉ: 59/55/32, khu phố 1, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông T theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, ông T vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày.*

Ngoài các chứng cứ các đương sự đã cung cấp từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

+ Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của bị đơn là không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Ngọc H đối với ông Sơn Ngọc T: về quan hệ hôn nhân cho bà H được ly hôn với ông T; về con chung: bà H và ông T có 03 con chung tên Sơn Lê Thông T, sinh năm 1989, Sơn Lê Minh Tr, sinh năm 1994 và Sơn Lê Triều G,

sinh năm 2007. Cháu Tr, cháu T đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết. Bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Sơn Lê Triều G, phù hợp với nguyện vọng của cháu G nên chấp nhận yêu cầu của bà H, giao cháu G cho bà H nuôi dưỡng, tạm thời ông T không cấp dưỡng nuôi con; về nợ chung: Do bà H khai không có nên đề nghị không xem xét; về tài sản chung: bà H khai tự thỏa thuận nên đề nghị không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *[1] Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp*

Bà Lê Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Sơn Ngọc T. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định bà H là nguyên đơn, ông T là bị đơn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn”.

*[2] Về thẩm quyền giải quyết:* Ông Sơn Ngọc T có địa chỉ thường trú và cư trú tại phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

*[3] Về thủ tục tố tụng khác:* Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn ông Sơn Ngọc T, Tòa án xác minh địa chỉ cư trú của ông T tại Công an phường Q, thành phố B, theo nội dung văn bản xác minh thì ông T có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại địa chỉ: 59/55/32, khu phố 1, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông T theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (anh Sơn Lê Thông T con ông T trực tiếp ký nhận và cam kết giao lại cho ông T). Tuy nhiên, ông T vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H, ông T theo quy định của pháp luật.

#### *[4]. Về nội dung tranh chấp*

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc H và ông Sơn Ngọc T chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 228, ngày 02/7/1991. Theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 xác định hôn nhân của bà H và ông T là hợp pháp.

Xét thấy, bà H xác định vợ chồng tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn. Mặc dù có cùng địa chỉ thường trú nhưng vợ chồng không ăn chung, không ngủ chung, không sinh hoạt sinh lý, đi đâu làm gì không ai quan tâm ai, mạnh ai nấy sống, một mình bà H lo cho con cái và gia đình, ông T không phụ giúp kinh tế cho bà H. Đến thời điểm bà H khởi kiện, vợ chồng đã ly thân được 04 năm.

Theo biên bản xác minh mâu thuẫn tại địa phương ngày 09/3/2021, nơi bà H và ông T sinh sống xác định trong cuộc sống hôn nhân của bà H, ông T có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm được vì các đương sự không trình báo với địa phương, không yêu cầu địa phương can thiệp, hòa giải.

Đối với ông T, theo kết quả xác minh tại Công an phường Q ngày 09/3/2021, xác định hiện nay ông T vẫn cư trú tại địa phương, Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông T vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và phiên tòa là không thực hiện đúng nghĩa vụ của bị đơn, từ đó cho thấy ông T có ý bỏ mặc việc Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân của hai người, không có ý định hòa giải, đoàn tụ. Như vậy, cuộc sống hôn nhân của bà H và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên cho thấy, yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Bà Lê Thị Ngọc H và ông Sơn Ngọc T có 03 con chung tên Sơn Lê Thông T, sinh năm 1989, Sơn Lê Minh Tr, sinh năm 1994 và Sơn Lê Triều G, sinh năm 2007. Các cháu Sơn Lê Thông T, Sơn Lê Minh Tr đã thành niên và có khả năng lao động, bà H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với yêu cầu của bà H được nuôi dưỡng cháu Sơn Lê Triều G, Hội đồng xét xử xét thấy, nguyện vọng của cháu G là muốn được ở với mẹ. Ông Sơn Ngọc T không đến Tòa án làm việc nên không ghi nhận được ý kiến của ông về vấn đề con chung. Vì vậy, căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu G cho bà H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Tạm thời bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4.3] Về tài sản chung: Bà H đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, ông T không có lời khai. Các đương sự có quyền khởi kiện chia tài sản chung sau ly hôn bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[4.4] Về nợ chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn Bà Lê Thị Ngọc H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, 68, Khoản 4 Điều 147, 220, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; các Điều 51, 56, 57, 59, 60 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc H đối với ông Sơn Ngọc T về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc H được ly hôn ông Sơn Ngọc T.

- Về con chung: Bà Lê Thị Ngọc H và ông Sơn Ngọc T có 03 con chung tên Sơn Lê Thông T, sinh năm 1989, Sơn Lê Minh Tr, sinh năm 1994 và Sơn Lê Tr G, sinh năm 2007. Các cháu Sơn Lê Thông T, Sơn Lê Minh Tr đã thành niên và có khả năng lao động, bà H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; giao cháu Sơn Lê Triều G, sinh năm 2007 cho bà Lê Thị Ngọc H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Ông T không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Bà Lê Thị Ngọc H đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Lê Thị Ngọc H khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết

2. Về án phí:

Bà Lê Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009801 ngày 08 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Ủy ban nhân dân phường Q thành phố B, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Phú**